

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005**

**KHỐI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT  
NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**



## **MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2005	8 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005	11
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2005	12 - 39
6. Phụ lục Báo cáo tài chính các đơn vị thành viên	40 -71

\*\*\*\*\*

11  
HI  
ST  
MT  
JV  
HÀ  
TE

# **KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 - phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về khối Văn phòng Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam**

- Tổng Công ty xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam là Tổng Công ty Nhà nước thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty bao gồm các đơn vị thành viên là các doanh nghiệp Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và các đơn vị phụ thuộc. Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo pháp luật.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 là: 1.072.521.709.157 đồng
- Trụ sở chính : Số 34 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Điện thoại : 04 8288439  
Fax : 04 8287243  
Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 6 1 6
- Hoạt động chính của Tổng Công ty:  
Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 19 số 110729 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/2003, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:
  - Nhận thầu, tổng thầu thi công xây lắp và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, sân bay, bến cảng, thủy lợi, đường hầm (giao thông, thủy lợi), văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, du lịch, khách sạn, công sở, trường học, bệnh viện, cấp nước, thoát nước, bưu điện, công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, nhận thầu thi công các công trình ở nước ngoài;
  - Tư vấn, tổng thầu tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án đầu tư xây dựng các loại hình công trình nêu ở mục 1, bao gồm: lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa, khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, đo đạc công trình, thí nghiệm, thiết kế, thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra đề án thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, kiểm định chất lượng công trình và các dịch vụ tư vấn khác;
  - Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp;
  - Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn, du lịch lữ hành, vận chuyển khách du lịch;
  - Dịch vụ cho cá nhân và các tổ chức nước ngoài thuê nhà;
  - Khai thác, kinh doanh nước sạch, năng lượng, điện;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, xe gắn máy;

**KHỐI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

- Làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- Nghiện cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hóa phục vụ cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển đô thị;
- Chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ và thiết bị tự động hóa;
- Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm: đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường và các loại vật liệu khác dùng trong xây dựng và trang trí nội thất, ngoại thất;
- Thực hiện các dịch vụ khác như: cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy, kinh doanh, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa. các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng, vật liệu xây dựng;
- Thực hiện các dịch vụ khác như: cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy; kinh doanh, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng, vật liệu xây dựng;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh bia, rượu;
- Kinh doanh thuốc lá;
- Dệt, may công nghiệp;
- Khai thác thu mua, chế biến hàng nông, lâm sản (gỗ tròn, gỗ sơ chế, gỗ tinh chế, cà phê nhân và nông sản các loại);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh bán lẻ xăng dầu.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của khối Văn phòng Tổng Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 8 đến trang 39).

**Sự kiện quan trọng trong năm tài chính**

Số liệu tại ngày 01/01/2005 trên báo cáo tài chính đã được điều chỉnh theo Quyết định số 2319/QĐ-BTC ngày 23/06/2006 của Bộ Tài chính về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam.

**Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hiện tại, Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục để chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2005 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm tài chính bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phí Thái Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Vũ Đình Châm	Ủy viên
Ông Tô Ngọc Thanh	Ủy viên
Ông Hoàng Hợp Thương	Ủy viên kiêm trưởng ban kiểm soát

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Doãn Tạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Công Ích	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Long	Phó Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đình Thiết	Kế toán trưởng

**Kiểm toán viên**

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của khối Văn phòng Tổng Công ty.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của khối Văn phòng Tổng Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ trung thực hợp lý tình hình tài chính của khối Văn phòng Tổng Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của khối Văn phòng Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của khối Văn phòng Tổng Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *hax*



**Nguyễn Văn Tuấn - Tổng Giám đốc**

Ngày 14 tháng 8 năm 2006



www.auditconsult.com.vn

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Branch in Ha Noi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem Dist, Ha Noi City  
Branch in Nha Trang - Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu Dist, Can Tho City

- Tel.: (08) 8 272 295 - Fax: (84.8) 8 272 300  
- Tel.: (04) 9 324 133 - Fax: (84.4) 9 324 113  
- Tel.: (058) 876 555 - Fax: (84.58) 875 327  
- Tel.: (071) 764 995 - Fax: (84.71) 764 996

Số: 115/2006/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2005 CỦA KHỐI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

**KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY XUẤT  
NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của khối Văn phòng Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 8 tháng 8 năm 2006, từ trang 8 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

#### Phạm vi kiểm toán

- Theo Hợp đồng kiểm, chúng tôi chỉ thực hiện kiểm toán 9 đơn vị trong 22 đơn vị phụ thuộc được tổng hợp trong Báo cáo tài chính của khối Văn phòng Tổng Công ty, các đơn vị được kiểm toán gồm:
  - Nhà máy nước Dung Quất
  - Ban Quản lý Dự án mở rộng đường Láng Hòa Lạc
  - Khách sạn Holiday view
  - Trung tâm Đầu thầu và Quản lý Dự án
  - Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Phát triển Nhà và Đô thị
  - Trung tâm Xuất khẩu lao động và Thương mại
  - Ban điều hành Dự án Xây dựng Công trình Hồ chứa nước Cửa Đạt
  - Ban điều hành Tổ hợp Dự án Thủy điện Buôn tuasrah
  - Cơ quan Văn phòng Tổng Công ty
- Báo cáo tài chính năm 2005 của Ban Quản lý Dự án Xi măng Cẩm Phả đã được kiểm toán bởi Công ty Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).
- Tỷ lệ % các khoản mục được kiểm toán trên báo cáo tài chính năm 2005 (bao gồm cả Ban Quản lý Dự án Xi măng Cẩm Phả) được chi tiết tại phụ lục Báo cáo tài chính các đơn vị thành viên từ trang 40 đến trang 59.

#### Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.



**Hạn chế của cuộc kiểm toán**

- Do giới hạn phạm vi kiểm toán kiểm toán nêu trên nên chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính của các đơn vị không kiểm toán và ảnh hưởng của những sai sót (nếu có) từ các Báo cáo tài chính này đến Báo cáo tài chính tổng hợp của khối Văn phòng Tổng Công ty.
- Công việc kiểm toán chỉ nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh năm 2005 của khối Văn phòng Tổng Công ty, trong đó việc kiểm toán đối với các khoản mục chi phí đầu tư xây dựng cơ bản chỉ thực hiện các thủ tục kiểm toán thông thường với giới hạn trong việc tuân thủ các quy định về kế toán tài chính của Nhà nước, không nhằm đưa ra ý kiến về quyết toán chi phí đối với vốn đầu tư xây dựng hoàn thành đòi hỏi phải áp dụng các thủ tục kiểm toán đặc thù riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Đơn vị chưa lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 theo quy định hiện hành.
- Cuộc kiểm toán được chỉ định sau ngày kết thúc niên độ nên Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến việc thực hiện kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định, cũng như việc đánh giá khối lượng dở dang của các công trình tại ngày 31 tháng 12 năm 2005. Do vậy, chúng tôi không thể khẳng định được tính đầy đủ, hiện hữu và tình trạng của các tài sản trên.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005, số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận nợ đầy đủ với đối tượng liên quan.
- Doanh thu hợp đồng xây dựng của một số công trình tại Trung tâm Đầu thầu và Quản lý dự án ghi nhận không căn cứ theo khối lượng thực hiện được nghiệm thu chấp nhận thanh toán của chủ đầu tư, (xem thuyết minh số V.11 trang 16).
- Việc xác định giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của các công trình xây dựng không theo một tiêu thức cụ thể.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành Tổng Công ty được tạm phân phối từ lợi nhuận năm 2005 theo quy định tại Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, nhưng chưa có quyết định chính thức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty, (xem thuyết minh số VI.25 trang 31).

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những hạn chế nêu trên và ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của khối Văn phòng Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Hồng Thanh - Giám đốc**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053/KTV*

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2006

**Nguyễn Hoàng Đức - Kiểm toán viên**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0368/KTV*

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 - phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.725.371.448.857</b>	<b>1.827.414.634.073</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>199.782.141.740</b>	<b>187.703.918.974</b>
1. Tiền	111		197.013.810.740	187.703.918.974
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.768.331.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>33.528.933.333</b>	<b>37.158.650.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>VI.2</b>	33.528.933.333	37.158.650.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>1.105.879.657.350</b>	<b>942.929.235.780</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	<b>VI.3</b>	81.190.575.213	82.082.913.098
2. Trả trước cho người bán	132	<b>VI.4</b>	366.582.959.384	166.621.980.452
3. Phải thu nội bộ	133		610.130.672.665	660.994.342.589
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>VI.5</b>	47.975.450.088	33.229.999.641
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>352.199.835.773</b>	<b>646.705.080.369</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>VI.6</b>	352.199.835.773	646.705.080.369
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.980.880.661</b>	<b>12.917.748.950</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>VI.7</b>	10.112.133.745	8.920.184.187
2. Các khoản thuế phải thu	152	<b>VI.8</b>	23.827.392.775	3.991.404.763
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		41.354.141	6.160.000



**KHOẢNG VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 - phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.078.858.711.924</b>	<b>1.270.754.159.976</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.600.812.202.965</b>	<b>818.470.974.583</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	274.986.254.334	492.332.816.789
<i>Nguyên giá</i>	222		322.905.739.460	528.528.552.136
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47.919.485.126)	(36.195.735.347)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	11.770.803.390	11.881.394.286
<i>Nguyên giá</i>	228		12.203.315.559	12.203.315.559
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(432.512.169)	(321.921.273)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.11	1.314.055.145.241	314.256.763.508
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>319.945.677.830</b>	<b>294.642.718.282</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.12	226.617.214.904	238.140.271.036
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.13	72.025.447.246	56.500.447.246
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.14	21.303.015.680	2.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>158.100.831.129</b>	<b>157.640.467.111</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.15	158.100.831.129	157.640.467.111
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.804.230.160.781</b>	<b>3.098.168.794.049</b>

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 - phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

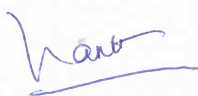
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.674.573.913.461</b>	<b>2.091.278.318.078</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.603.280.576.690</b>	<b>1.538.650.673.326</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.16	304.951.774.835	69.259.826.829
2. Phải trả cho người bán	312	VI.17	226.032.465.437	167.064.390.516
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.18	732.719.256.349	960.558.549.742
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.19	54.425.404.806	(1.235.010.765)
5. Phải trả công nhân viên	315	VI.20	1.397.036.813	2.800.235.399
6. Chi phí phải trả	316	VI.21	108.463.689.759	61.920.187.399
7. Phải trả nội bộ	317		16.601.576.800	202.896.562.528
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.22	158.689.371.891	75.385.931.678
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>1.071.293.336.771</b>	<b>552.627.644.752</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	106.405.030.653
3. Phải trả dài hạn khác	323	VI.23	24.500.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	VI.24	1.071.268.836.771	446.222.614.099
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.129.656.247.320</b>	<b>1.006.890.475.971</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	VI.25	<b>1.072.521.709.157</b>	<b>985.621.288.996</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.072.521.709.157	985.621.288.996
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
7. Quỹ dự phòng tài chính	417		-	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
9. Lợi nhuận chưa phân phối	419		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>	VI.25	<b>57.134.538.163</b>	<b>21.269.186.975</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		54.297.774.753	19.237.078.579
2. Nguồn kinh phí	422		2.836.763.410	2.032.108.396
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	423		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>3.804.230.160.781</b>	<b>3.098.168.794.049</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2006

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Trang



 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH  
 Trần Văn Lâm


Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.26	1.452.724.962.047	696.811.584.025
2.	Các khoản giảm trừ	03		16.116.000	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.452.708.846.047	696.811.584.025
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1.258.493.106.969	592.359.583.871
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		194.215.739.078	104.452.000.154
6.	Doanh thu tài chính	21	VI.28	82.034.111.632	59.280.716.527
7.	Chi phí tài chính	22	VI.29	50.173.051.308	45.287.704.737
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.30	24.543.963.995	14.939.645.780
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.31	31.895.458.418	35.671.000.396
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		169.637.376.989	67.834.365.768
11.	Thu nhập khác	31	VI.32	27.402.569.347	4.009.283.458
12.	Chi phí khác	32	VI.33	7.341.164.011	1.614.713.863
13.	Lợi nhuận khác	40		20.061.405.336	2.394.569.595
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		189.698.782.325	70.228.935.363
15.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	51		44.616.418.545	17.689.297.180
16.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		145.082.363.780	52.539.638.183

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2006

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

harb

Nguyễn Quỳnh Trang

Sam

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH  
*Trần Văn Lâm*



Nguyễn Văn Tuấn



# **KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Doanh nghiệp Nhà nước.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh:**

- Nhận thầu, tổng thầu thi công xây lắp và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, sân bay, bến cảng, thủy lợi, đường hầm (giao thông, thủy lợi), văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, du lịch, khách sạn, công sở, trường học, bệnh viện, cấp nước, thoát nước, bưu điện, công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, nhận thầu thi công các công trình ở nước ngoài;
- Tư vấn, tổng thầu tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án đầu tư xây dựng các loại hình công trình nêu ở mục 1, bao gồm: lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa, khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, đo đạc công trình, thí nghiệm, thiết kế, thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra đề án thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, kiểm định chất lượng công trình và các dịch vụ tư vấn khác;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn, du lịch lữ hành, vận chuyển khách du lịch;
- Dịch vụ cho cá nhân và các tổ chức nước ngoài thuê nhà;
- Khai thác, kinh doanh nước sạch, năng lượng, điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, xe gắn máy;
- Làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- Nghiện cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hóa phục vụ cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển đô thị;
- Chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ và thiết bị tự động hóa;
- Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm: đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường và các loại vật liệu khác dùng trong xây dựng và trang trí nội thất, ngoại thất;
- Thực hiện các dịch vụ khác như: cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy, kinh doanh, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng, vật liệu xây dựng;

## **KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

- Thực hiện các dịch vụ khác như: cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy; kinh doanh, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, các loại cầu kiện siêu trường, siêu trọng, vật liệu xây dựng;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh bia, rượu;
- Kinh doanh thuốc lá;
- Dệt, may công nghiệp;
- Khai thác thu mua, chế biến hàng nông, lâm sản (gỗ tròn, gỗ sơ chế, gỗ tinh chế, cà phê nhân và nông sản các loại);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh bán lẻ xăng dầu.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của khối Văn phòng Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh của Ngân hàng giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Chuẩn mực số 10 “ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” ban hành theo Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **2. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức Nhật ký chung.

## **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.



# **KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

### **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Số liệu tại ngày 01/01/2005 trên báo cáo tài chính đã được điều chỉnh theo Quyết định số 2319/QĐ-BTC ngày 23/06/2006 của Bộ Tài chính về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: giá thực tế đích danh.

#### **4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7
Thiết bị văn phòng	4 - 6
TSCĐ hữu hình khác	4 - 6
Phần mềm kế toán	4

Khấu hao TSCĐ năm 2005 được tính căn cứ trên nguyên giá, giá trị còn lại của TSCĐ chưa điều chỉnh theo kết quả định giá tại thời điểm 31/12/2004 của cơ quan định giá.

#### **5. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

## **KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

#### **6. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Thời gian trích khấu hao 25 năm.

#### **7. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### **8. Chi phí phải trả, trích trước chi phí duy tu, bảo trì, bảo dưỡng nhà chung cư, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí duy tu, bảo trì, bảo dưỡng các công trình nhà chung cư được trích trước với tỷ lệ 3% trên doanh thu từ việc bán căn hộ chung cư.

Theo kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính cho năm tài chính 2003 thì “việc trích trước này chưa có quy định pháp lý, tuy nhiên đây là vấn đề mới phát sinh và cần thiết khi đầu tư xây dựng các khu đô thị chung cư cao tầng nên đoàn Thanh tra ghi nhận việc trích trước nói trên và yêu cầu Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam xây dựng phương án sử dụng chi phí bảo trì, duy tu, bảo dưỡng đối với các nhà chung cư cao tầng để báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng có hướng xử lý”.

Ngày 10/02/2006, Bộ Tài chính có công văn số 1690/BTC-TCDN về việc xác định GTDN để cơ sở phân hóa Tổng Công ty Xây dựng Xuất nhập khẩu Việt Nam, trong đó nêu rõ việc trích trước chi phí để duy trì dài hạn các hoạt động của khu đô thị là cần thiết và chấp thuận việc trích trước các khoản chi phí trên với tỷ lệ 3% trên doanh thu từ hoạt động kinh doanh nhà.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tối đa 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### **9. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.



## KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 11. Hợp đồng xây dựng

##### *Tại Trung tâm Đấu thầu và Quản lý dự án*

###### **Doanh thu**

- Đối với các công trình đã tập hợp được chi phí: Doanh thu được ghi nhận khi xuất hóa đơn GTGT cho khách hàng. Việc xuất hóa đơn GTGT căn cứ theo biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng thực hiện được chấp nhận thanh toán hoặc theo yêu cầu xuất hóa đơn của khách hàng.
- Đối với các công trình chưa tập hợp được chi phí: Doanh thu của khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu thanh toán (và đã xuất hóa đơn GTGT) được theo dõi trên khoản mục Doanh thu nhận trước, chưa kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.

###### **Giá vốn**

Giá vốn công trình xây dựng = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí thực tế phát sinh trong kỳ - Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ

Việc xác định Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các thời điểm cuối năm tài chính không theo một tiêu thức cụ thể.

##### *Tại các Ban điều hành*

###### **Doanh thu**

Doanh thu bao gồm giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu chấp nhận thanh toán của các đơn vị thi công (nghiệm thu 3 bên: chủ đầu tư, ban điều hành và đơn vị thi công) và phí quản lý Ban điều hành thu từ các đơn vị thi công.

###### **Giá vốn**

Giá vốn được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu chấp nhận thanh toán của các đơn vị thi công.

#### 12. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2005 khối Văn phòng Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

VAS 05	Bất động sản đầu tư
VAS 07	Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết
VAS 08	Thông tin tài chính về các khoản vốn góp liên doanh
VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 21	Trình bày báo cáo tài chính
VAS 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
VAS 25	Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con
VAS 26	Thông tin về các bên liên quan
VAS 27	Báo cáo tài chính giữa niên độ
VAS 28	Báo cáo bộ phận
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Hiện tại khối văn phòng Tổng Công ty đang phân tích ảnh hưởng của các chuẩn mực kế toán mới.

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

<b>Tiền mặt</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>4.869.378.637</b>	<b>3.839.191.627</b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	2.320.083	1.623.641
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	609.469.320
- Khách sạn Sầm Sơn	4.751.733	6.030.156
- Khách sạn Holiday view	13.791.048	141.728.152
- Trường nghiệp vụ và KTXD Xuân Hòa	14.698.600	38.391.100
- Trường KTXD Bim Sơn	209.188.479	179.527.481
- BQL các dự án đầu tư Hòa Lạc	21.602.750	5.754.242
- BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội	284.669	90.453.300
- BQL DA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hoà Lạc	9.773.231	116.980.394
- BQL DA ĐTXD khu công nghệ cao Hoà Lạc	2.626.261	546.912
- BQL DA Xi măng Cẩm phả	267.819.765	42.375.724
- BDH Dự án thủy điện Buôn Kuốp	312.291.136	161.645.215
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	249.681.311	20.273.700
- BDH tổ hợp dự án thủy điện Buôn tuasrah	280.891.051	30.362.500
- BQL DA ĐTXD phát triển Nhà và đô thị Sài Gòn	114.174.704	-
- BQLDA ĐTXD khu nhà nghỉ cuối tuần	520.629.998	-
- BQL khu đô thị du lịch Cái Giá	53.146.125	-
- Trung tâm xây dựng bể bơi	-	276.715.444
- Trung tâm ĐT và QL dự án	915.121.294	93.738.704
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	971.542.186	1.304.023.500
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	162.728.760	263.690.770
- Cơ quan Văn phòng	742.315.453	455.861.372
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>192.144.469.913</b>	<b>183.864.727.347</b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	142.038.368	25.415.015
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	2.038.788.029
- Khách sạn Sầm Sơn	3.920.000	1.000.000
- Khách sạn Holiday view	148.860.393	465.239.778
- Trường nghiệp vụ và KTXD Xuân Hòa	458.390.681	558.077.200
- Trường KTXD Bim Sơn	2.607.707.359	2.024.087.576
- BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội	4.739.602.555	41.201.171
- BQL DA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hoà Lạc	8.223.804.453	1.000.000
- BQL các DA ĐTXD khu CNC Hòa Lạc	38.400	-
- BQL DA Xi măng Cẩm phả	12.074.114.506	4.560.220.945
- BDH Dự án thủy điện Buôn Kuốp	20.540.930.592	241.738.257
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	22.634.231.821	7.323.080.286
- BDH tổ hợp dự án thủy điện Buôn tuasrah	14.412.407.462	-

**KHOI VẤN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- BQL DA ĐTXD phát triển Nhà và đô thị Sài Gòn	2.112.471.997	-
- Trung tâm xây dựng bể bơi	350.518.175	342.100.273
- Trung tâm ĐT và QL dự án	24.048.279.763	19.916.493.097
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	31.261.272.038	22.387.672.212
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	3.629.506.592	2.096.602.632
- Cơ quan Văn phòng	44.756.374.758	121.842.010.876
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>2.768.331.000</b>	-
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	2.768.331.000	-
<b>Tổng cộng tiền và tương đương tiền</b>	<b><u>199.782.141.740</u></b>	<b><u>187.703.918.974</u></b>

**2. Các khoản đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trung tâm ĐT & QL Dự án (cho các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty vay vốn)	10.275.733.333	9.150.000.000
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị (tiền gửi có kỳ hạn)	-	20.000.000.000
- Trung tâm XKLD và thương mại (tiền gửi có kỳ hạn)	23.253.200.000	8.008.650.000
<b>Cộng</b>	<b><u>33.528.933.333</u></b>	<b><u>37.158.650.000</u></b>

**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	1.241.414.274	1.335.985.732
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		13.389.863.881
- Khách sạn Sầm Sơn	2.500.000	3.728.614
- Khách sạn Holiday view	66.248.811	16.472.515
- Trường KTXD Bim Sơn	9.856.125	12.620.125
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	1.146.684.000	109.000.000
- Trung tâm xây dựng bể bơi	154.563.818	154.563.818
- Trung tâm ĐT và QL dự án	47.964.068.837	19.578.945.361
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	3.956.155.823	4.648.696.713
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	1.425.425.050	1.108.646.683
- Cơ quan Văn phòng	25.223.658.475	41.724.389.656
<b>Cộng</b>	<b><u>81.190.575.213</u></b>	<b><u>82.082.913.098</u></b>



**KHOẢN VỐN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**4. Trả trước người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	58.370.558	83.026.905
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		3.884.973.651
- Khách sạn Holiday view	1.500.000	
- BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội		2.936.060.367
- BQL DA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hoà Lạc	141.034.841.263	5.400.000.000
- BQL DA ĐTXD khu công nghệ cao Hoà Lạc	32.707.872.803	2.450.718.244
- BQL DA Xi măng Cẩm Phả	340.979.449	3.255.685.114
- BDH tổ hợp dự án thủy điện BuônTuasrah	3.252.952.621	
- BDH Dự án thủy điện Buôn Kuốp		12.474.240.908
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	13.952.981.600	
- BQL DA ĐTXD phát triển Nhà và đô thị Sài Gòn	2.714.200.000	
- Trung tâm ĐT và QL dự án	131.447.557.045	66.738.226.872
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	8.901.384.045	37.230.328.391
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	170.320.000	18.720.000
- Cơ quan Văn phòng	32.000.000.000	32.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>366.582.959.384</u></b>	<b><u>166.621.980.452</u></b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tạm ứng</i>	<b>8.315.109.701</b>	<b>16.199.945.405</b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	48.489.088	140.331.568
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		828.534.175
- Khách sạn Sầm Sơn		2.700.000
- Khách sạn Holiday view	(17.040.000)	
- Trường nghiệp vụ và KTXD Xuân Hòa		9.700.000
- Trường KTXD Bim Sơn	36.638.350	28.620.120
- BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội	69.197.400	17.855.000
- BQL DA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hoà Lạc	524.580.577	7.077.000
- BQL DA ĐTXD khu công nghệ cao Hoà Lạc		3.000.000
- BQL DA Xi măng Cẩm phả	110.824.309	43.000.000
- BDH Dự án thủy điện Buôn Kuốp	17.500.000	9.500.000
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	701.535.000	287.488.900
- BDH tổ hợp dự án thủy điện BuônTuasrah	41.412.347	186.293.500
- BQL DA ĐTXD phát triển Nhà và đô thị Sài Gòn	11.547.600	
- Trung tâm xây dựng bể bơi	59.688.940	95.029.904
- Trung tâm ĐT và QL dự án	5.534.278.152	3.077.539.393
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	26.500.000	14.500.000
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	214.923.709	262.388.227
- Cơ quan Văn phòng	935.034.229	11.186.387.618

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

<i>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	-	<b>4.001.250.000</b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	-	1.250.000
- Cơ quan Văn phòng	-	4.000.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>39.660.340.387</b>	<b>13.028.804.236</b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	12.534.663	11.150.695
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		42.889.990
- Khách sạn Sầm Sơn	1.130.700	836.074
- Khách sạn Holiday view	38.511.476	998.070
- Trường nghiệp vụ và KTXD Xuân Hòa	16.200.000	
- Trường KTXD Bim Sơn	2.764.000	
- BQL các dự án đầu tư Hòa Lạc	1.463.032.235	6.102.422.360
- BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội (a)	24.113.597.003	4.569.448
- BQL DA ĐTXD MR đường Láng - Hoà Lạc (b)	6.078.675.000	1.000.000.000
- BQL DA ĐTXD khu công nghệ cao Hoà Lạc	380.114.563	62.698.122
- BQL DA Xi măng Cẩm phả	45.000.000	31.400.000
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	167.656.628	
- BDH tổ hợp dự án thủy điện Buôn tuasrah	168.593.696	
- BQL DA ĐTXD phát triển Nhà và đô thị Sài Gòn	1.695.640	
- BQL khu đô thị du lịch Cái Giá	15.000.000	
- Trung tâm ĐT và QL dự án	2.586.539.852	16.479.031
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	587.001.798	1.239.348.515
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	1.755.752.301	1.540.842.855
- Cơ quan Văn phòng (c)	2.226.540.832	2.975.169.076
<b>Cộng</b>	<b>47.975.450.088</b>	<b>33.229.999.641</b>

**Trong đó:**

<b>(a): BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội</b>	<b>24.113.597.003</b>
Phải thu Công ty VICOSTONE	1.800.000.000
Phải thu Công ty cổ phần XD số 12	11.044.160.909
Phải thu Vinaconex 34	11.264.866.646
Phải thu khác	4.569.448
<b>(b): BQL DA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hoà Lạc</b>	<b>6.078.675.000</b>
Công ty tư vấn thiết kế - Bộ GTVT	5.000.000.000
Phí Tất Thắng	32.500.000
Nguyễn Thị Thanh Hương	43.800.000
Hội đồng DBGPMB Quốc oai	940.000.000
Khác	62.375.000
<b>(c) Cơ quan Văn phòng</b>	<b>2.226.540.832</b>
Chi phí cổ phần hóa	643.272.727
Công ty Jean Dessjoyaux	727.774.152
Bảo hiểm xã hội của cá nhân xuất khẩu lao động	359.784.384
Chi phí bị cắt giảm khách sạn Cát Bà	495.709.569

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Nguyên vật liệu</b>	<b>380.815.214</b>	<b>19.811.414.110</b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	175.490.097	25.245.727
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		19.590.055.838
- Khách sạn Holiday view	115.405.328	196.112.545
- Trường KTXD Bim Sơn	89.801.157	
- BQL DA Xi măng Cẩm phả	118.632	
<b>Công cụ, dụng cụ</b>	<b>189.945.951</b>	<b>2.230.443.798</b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	8.210.000	8.210.000
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		1.709.653.658
- Khách sạn Sầm Sơn	3.373.000	
- Khách sạn Holiday view	15.591.904	410.861.134
- Trường KTXD Bim Sơn	103.098.006	101.719.006
- BQLDA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hoà Lạc	25.887.000	
- BQLDA ĐTXD phát triển Nhà và đô thị Sài Gòn	33.786.041	
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</b>	<b>345.996.053.010</b>	<b>597.180.502.439</b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	176.565.204	634.065.508
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		942.895.705
- Trung tâm xây dựng bể bơi	43.776.595	
- BĐH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	5.035.340.073	
- BĐH tổ hợp dự án thủy điện Buôntrah	4.819.426.493	
- Trung tâm ĐT và QL dự án (a)	103.928.938.881	136.966.238.732
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị (b)	229.782.508.224	456.899.233.525
- Cơ quan Văn phòng	2.209.497.540	1.738.068.969
<b>Thành phẩm</b>	<b>-</b>	<b>13.277.410.284</b>
- Nhà máy ốp lát cao cấp Vinaconex	-	13.277.410.284
<b>Hàng hóa tồn kho</b>	<b>5.349.653.425</b>	<b>10.343.186.920</b>
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	322.262.255	346.709.581



**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	4.404.783.568	1.022.281.028
- Cơ quan Văn phòng	622.607.602	8.974.196.311
<b>Hàng gửi đi bán</b>	<b>283.368.173</b>	<b>3.862.122.818</b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	283.368.173	
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		3.862.122.818
<b>Cộng</b>	<b>352.199.835.773</b>	<b>646.705.080.369</b>

**Trong đó:**

<b>(a): Trung tâm ĐT &amp; QL dự án</b>	<b>103.928.938.881</b>	<b>136.966.238.732</b>
Thư viện điện tử	3.197.198.555	52.710.837.474
Sân nền XM TLong		3.259.557.620
Kè Hồ Tây	660.000.006	2.715.428.577
T30 Công an TP HCM		7.023.785.714
Nhà điều hành AACC	1.809.523.810	1.809.523.810
CT 481/99	8.040.972.211	1.358.901.614
CW 1B		11.721.220.651
Kho bạc TP HCM		5.501.069.865
Ban QL Hòa Lạc		10.980.502.430
Trung tâm hội nghị Quốc gia	39.827.890.097	13.636.363.636
BQL Hòa Phú	6.935.688.876	240.602.328
Trung tâm GD chứng khoán Hà nội	1.181.795.328	2.949.600
Ngã tư sở	7.275.217.660	
Bệnh viện 108	11.691.004.918	
Toyota HP	18.710.853.292	
Cục quản trị T 26	1.101.465.909	
Công trình khác	3.497.328.219	26.005.495.413
<b>(b): BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị</b>	<b>229.782.508.224</b>	<b>456.899.233.525</b>
Nhà 24 T1	-	78.063.907.836
Nhà 24 T2	-	80.405.697.383
Nhà 17 T7	-	44.697.679.318
Nhà 17 T8	-	42.790.710.538
Nhà 17 T9	-	43.279.702.897
Nhà 17 T10	37.392.070.686	32.215.583.877
Nhà 17 T11	36.331.444.898	24.309.090.448
Nhà 34 tầng	135.147.703.415	79.431.339.969
Trung tâm tin học	5.143.362.817	5.143.362.817
Kiểm toán nhà nước	5.068.213.445	5.068.213.445
Trạm gas	1.691.734.695	1.691.734.695
Dự án khu đô thị mới Bắc An Khánh	5.045.544.524	672.252.746
Công trình khác	3.962.433.744	19.129.957.556

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>5.875.331.125</b>	<b>13.444.507.945</b>	<b>14.105.322.063</b>	<b>5.214.517.007</b>
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	949.782.236	9.115.107.805	10.064.890.041	
- BQL khu đô thị du lịch Cái		450.000.000		450.000.000
- Trung tâm đấu thầu và quản lý dự án	4.649.911.871		161.031.882	4.488.879.989
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	27.550.240			27.550.240
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị	56.425.272			56.425.272
- Trung tâm xuất khẩu lao động	25.282.694			25.282.694
- Cơ quan Văn phòng	166.378.812	3.879.400.140	3.879.400.140	166.378.812
<b>Chi phí chờ kết chuyển</b>	<b>3.044.853.062</b>	<b>3.923.357.316</b>	<b>2.070.593.640</b>	<b>4.897.616.738</b>
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	1.397.574.593	154.559.201	1.552.133.794	
- Khách sạn Holiday view		100.480.000	93.230.000	7.250.000
- BĐH Dự án thủy điện Buôn Kuốp	1.554.689.524	1.053.299.063		2.607.988.587
- BĐH tổ hợp DA thủy điện Buôn tuasrah	92.588.945	1.871.949.818	425.229.846	1.539.308.917
- BQLDAĐTXD PT nhà và đô thị SG		743.069.234		743.069.234
<b>Cộng</b>	<b>8.920.184.187</b>	<b>17.367.865.261</b>	<b>16.175.915.703</b>	<b>10.112.133.745</b>

**8. Các khoản thuế phải thu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	366.710.241
- Khách sạn Holiday view	1.302.427	5.055.657
- BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội	3.215.286.733	2.213.622
- BQL DA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hoà Lạc	306.414.715	3.467.350
- BQL DA ĐTXD khu công nghệ cao Hoà Lạc	13.922.235	1.430.629
- BQL DA KCN Bắc Phú Cát	8.388.140	2.043.442
- BQL DA Xi măng Cẩm Phả	14.265.423.440	1.710.371.761
- BĐH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	456.719.572	-
- BĐH tổ hợp DA thủy điện Buôn tuasrah	39.153.254	-
- BQLDAĐTXD PT nhà và đô thị SG	25.674.094	-
- BQLDA ĐTXD khu nhà nghỉ cuối tuần	648.063.727	-
- BQL khu đô thị du lịch Cái Giá	230.795.187	-
- Trung tâm đấu thầu và quản lý dự án	1.071.296.297	-
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	46.011.979	46.011.979
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	150.440.235	61.913.308
- Cơ quan Văn phòng	3.348.500.740	1.792.186.774
<b>Cộng</b>	<b>23.827.392.775</b>	<b>3.991.404.763</b>

01  
CH  
NG  
EM  
TU  
H  
K



# **KHOI VÂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

## **9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Số đầu năm</b>	<b>186.086.566.709</b>	<b>295.126.970.279</b>	<b>38.187.053.302</b>	<b>9.127.961.846</b>	<b>0</b>	<b>528.528.552.136</b>
Tăng do phân loại lại tài sản	33.770.702.373	-	1.815.347.823	471.709.353	435.100.362	36.492.859.911
Đầu tư mua sắm mới	96.854.807.984	5.071.519.187	2.138.911.683	1.387.633.114	252.811.080	105.705.683.048
Tăng do điều chuyển nội bộ	50.487.993.801	204.713.568	3.027.720.944	49.904.050	106.666.667	53.876.999.030
Tăng khác	-	-	-	17.040.000	13.500.000	30.540.000
Giảm do điều chuyển nội bộ	(50.487.993.801)	(204.713.568)	(3.027.720.944)	(49.904.050)	(106.666.667)	(53.876.999.030)
Giảm do phân loại lại tài sản	(63.000.000)	(36.027.130.220)	(85.060.909)	(317.668.782)	-	(36.492.859.911)
Giảm do bán giao công ty cổ phần	(40.214.807.406)	(251.261.206.955)	(2.557.881.757)	(336.275.556)	8.077.457	(294.362.094.217)
Thanh lý	(6.800.848.468)	(61.572.000)	-	(201.773.763)	-	(7.064.194.231)
Giảm khác	(4.073.182.648)	(2.955.761.722)	(44.586.000)	(2.859.216.906)	-	(9.932.747.276)
<b>Số cuối năm</b>	<b>265.560.238.544</b>	<b>9.892.818.569</b>	<b>39.453.784.142</b>	<b>7.289.409.306</b>	<b>709.488.899</b>	<b>322.905.739.460</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>10.690.688.482</b>	<b>9.769.192.237</b>	<b>8.571.136.686</b>	<b>7.164.717.942</b>	<b>0</b>	<b>36.195.735.347</b>
Khấu hao trong năm	6.995.608.483	3.993.387.188	5.585.520.762	2.430.508.433	170.237.697	19.175.262.562
Tăng do phân loại lại tài sản	2.222.221	0	9.780.511	305.183.534	204.807.739	521.994.005
Tăng do điều chuyển nội bộ	0	0	309.785.697	17.650.782	0	327.436.479
Giảm do phân loại lại tài sản	(63.000.001)	(214.746.643)	(92.658.909)	(151.588.452)	0	(521.994.005)
Giảm do điều chuyển nội bộ	0	0	(309.785.697)	(17.650.782)	0	(327.436.479)
Thanh lý	(288.067.884)	(22.991.300)	-	(194.410.763)	0	(505.469.947)
Giảm khác	(4.003.650.717)	(100.594.909)	(15.597.424)	(2.794.607.058)	(31.592.728)	(6.946.042.836)
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.333.800.584</b>	<b>13.424.246.573</b>	<b>14.058.181.626</b>	<b>6.759.803.636</b>	<b>343.452.708</b>	<b>47.919.485.126</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>175.395.878.227</b>	<b>285.357.778.042</b>	<b>29.615.916.616</b>	<b>1.963.243.904</b>	<b>0</b>	<b>492.332.816.789</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>252.226.437.960</b>	<b>(3.531.428.004)</b>	<b>25.395.602.516</b>	<b>529.605.671</b>	<b>366.036.191</b>	<b>274.986.254.334</b>

**KHOẢNG VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Giá trị Quyền sử dụng đất</b>	<b>Cộng TSCĐ vô hình</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	12.203.315.559	12.203.315.559
Tăng trong năm	1.500.000.000	1.500.000.000
Giảm trong năm	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.203.315.559</b>	<b>12.203.315.559</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	321.921.273	321.921.273
Khấu hao trong năm	110.590.896	110.590.896
Giảm trong năm	0	0
<b>Số cuối năm</b>	<b>432.512.169</b>	<b>432.512.169</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	11.881.394.286	11.881.394.286
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.770.803.390</b>	<b>11.770.803.390</b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>CP phát sinh trong năm</b>	<b>K/C vào TSCĐ trong năm</b>	<b>Kết chuyển giảm khác</b>	<b>Số cuối năm</b>
Nhà máy nước BOT Dung Quất	422.725.030	38.273.700	422.725.030		38.273.700
Nhà máy đá ốp lát cao cấp	719.954.724	95.685.000	555.508.080	260.131.644	0
BQLĐAĐTĐCSHT KCN bắc PC	3.699.887.417	5.665.474.090			9.365.361.507
BQLĐTĐHTCN nước Sông Đà HN	17.886.186.268	77.069.233.227			94.955.419.495
BQLĐAĐTĐMR đường Láng HL	2.437.993.761	45.404.857.283			47.842.851.044
BQL các DA ĐTXD khu CNC IHL	1.145.456.084	3.529.573.835			4.675.029.919
BQL DA Ximăng Cẩm Phả	117.936.538.533	673.940.361.471			791.876.900.004
BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị	54.834.031.068	39.191.824.331	6.015.330.747		88.010.524.652
Cơ quan Văn phòng	115.173.990.623	54.673.620.969	96.827.766.533		73.019.845.059
BDH XD hồ chứa nước Cửa Đạt		1.884.352.658	1.884.352.658		0
BQLĐTĐ PT nhà & đô thị SG		175.867.934.981			175.867.934.981
BQL ĐTXD khu nhà nghỉ cuối tuần		10.145.051.088			10.145.051.088
BQL DA Khu đô thị mới cái giá		18.257.953.792			18.257.953.792
<b>Cộng</b>	<b>314.256.763.508</b>	<b>1.105.764.196.425</b>	<b>105.705.683.048</b>	<b>260.131.644</b>	<b>1.314.055.145.241</b>

**12. Đầu tư vào Công ty con**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn Nhà nước tại các Công ty Cổ phần thuộc Tổng Công ty	226.617.214.904	238.140.271.036
<b>Cộng</b>	<b>226.617.214.904</b>	<b>238.140.271.036</b>

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Vinata	20.110.184.541	20.110.184.541
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiền	32.064.477.892	32.064.477.892
- Góp vốn cổ phần dịch vụ Bảo vệ	150.000.000	
- Góp vốn cổ phần Song Tân	12.500.000.000	
- Liên doanh Vikowa	4.325.784.813	4.325.784.813
- Góp vốn cổ phần ĐTPĐ Điện Miền Bắc 3	2.875.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>72.025.447.246</b>	<b>56.500.447.246</b>

**14. Các khoản đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty cổ phần phát triển Bóng đá Việt Nam	180.000.000	-
- Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	2.761.753.930	-
- Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả	2.405.911.750	-
- Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	1.400.000.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư Olympic	2.500.000.000	-
- Công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh	8.553.350.000	-
- Công ty cổ phần ống sợi Thủy Tinh	500.000.000	-
- Công ty cổ phần cấp nước Kinh Đông	3.000.000.000	-
- Mua công trái giáo dục 5 năm	2.000.000	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.303.015.680</b>	<b>2.000.000</b>

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Khách sạn Holiday view	262.101.821		262.101.821	
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	15.505.697	29.767.678	15.505.697	29.767.678
- BĐH XD hồ chứa nước Cửa Đạt	1.483.976.504	2.716.932.662	3.784.287	4.197.124.879
- BĐH DA TĐ Buôntrah		42.029.370		42.029.370
- Cơ quan Văn phòng (*)	155.878.883.089		2.046.973.887	153.831.909.202
<b>Cộng</b>	<b>157.640.467.111</b>	<b>2.788.729.710</b>	<b>2.328.365.692</b>	<b>158.100.831.129</b>

(\*): Trong đó, giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định GTDN là 151.999.482.949 đồng.

**16. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà máy nước Dung Quất	333.000.000	801.515.762
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	12.959.591.801
- Khách sạn Sầm Sơn	50.359.000	53.359.000
- Khách sạn Holiday view	50.000.000	-
- Trường KTXD Bim Sơn	402.844.762	-
- BQLDA ĐTXD mở rộng đường Láng Hòa Lạc	-	-
- BQL ĐT XD HTCN Nước Sông Đà	3.667.875.517	-
- BQL DA Thủy điện Buôn Kuốp	-	500.000.000
- BĐH XD hồ chứa nước Cửa Đạt	-	157.195.000



**KHOẢN VỐN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trung tâm đầu thầu và QLDA	10.000.000.000	15.000.000.000
- Cơ quan văn phòng	290.447.695.556	39.788.165.266
<b>Cộng</b>	<b>304.951.774.835</b>	<b>69.259.826.829</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nhà máy nước Dung Quất	801.515.762	1.003.000.000	1.471.515.762	0	333.000.000
Nhà máy đá ốp lát cao cấp	12.959.591.801	46.059.046.058	30.666.107.065	28.352.530.794	0
Khách sạn Sầm Sơn	53.359.000	0	3.000.000	0	50.359.000
Holiday view	0	50.000.000	0	0	50.000.000
Trường KTXD Bim Sơn	0	402.844.762	0	0	402.844.762
BQLĐTXDHTCN nước Sông Đà	0	3.667.875.517	0	0	3.667.875.517
BQL DA Thủy điện Buôn Kuốp	500.000.000	700.000.000	1.200.000.000	0	0
BĐH XD hồ chứa nước Cửa Đạt	157.195.000	157.497.000	314.692.000	0	0
Trung tâm đầu thầu và QLDA	15.000.000.000	10.000.000.000	15.000.000.000	0	10.000.000.000
BĐHDA Thủy điện Buôn tuasrah	0	500.000.000	500.000.000	0	0
Cơ quan văn phòng	39.788.165.266	321.396.943.350	70.737.413.060	0	290.447.695.556
<b>Cộng</b>	<b>69.259.826.829</b>	<b>383.937.206.687</b>	<b>119.892.727.887</b>	<b>28.352.530.794</b>	<b>304.951.774.835</b>

**17. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	330.830.719	657.912.557
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		4.614.690.455
- Khách sạn Sầm Sơn	8.015.700	8.015.700
- Khách sạn Holiday View	521.874.055	616.907.725
- Trường nghiệp vụ KTXD Bim Sơn	74.158.000	213.057.100
- BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội	2.844.060.897	2.242.619.736
- BQL DA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	6.081.866.152	
- BQL DA ximăng Cẩm Phả	9.181.550.435	21.078.206.781
- BĐH Dự án thủy điện Buôn Kuốp	8.416.814.346	
- BĐH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	8.645.167.094	7.370.212.768
- BĐH dự án thủy điện Buôn tuasrah	12.765.199.396	
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị (Sài Gòn)	1.800.000.000	
- BQL DA ĐTXD khu nhà nghỉ cuối tuần	3.547.107.000	
- Trung tâm ĐT&QL Dự án	75.197.268.725	50.619.520.258
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị	91.148.630.907	69.187.684.443
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	1.083.936.974	1.075.140.480
- Cơ quan văn phòng	4.385.985.037	9.380.422.513
<b>Cộng</b>	<b>226.032.465.437</b>	<b>167.064.390.516</b>

**KHOẢNG VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**18. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	161.934.296	156.869.001
- Khách sạn Sầm Sơn	31.311.367	
- Khách sạn Holiday view	20.064.970	
- BQL DA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hoà Lạc	28.081.054.095	
- BQL DA ĐTXD khu công nghệ cao Hoà Lạc	44.222.022.470	
- BDH Dự án thủy điện Buôn Kuốp	11.048.681.000	13.197.226.457
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	35.611.474.000	
- BDH thủy điện Buôn tuasrah	7.733.816.000	
- Trung tâm bể bơi		
- Trung tâm ĐT và QL dự án	242.389.192.815	235.095.688.013
- BQL DA ĐTXD phát triển nhà và đô thị	332.144.588.949	664.466.234.576
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	557.129.050	
- Cơ quan Văn phòng	30.717.987.337	47.642.531.695
<b>Cộng</b>	<b>732.719.256.349</b>	<b>960.558.549.742</b>

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>Thuế phải nộp Nhà nước</b>	<b>(1.235.010.765)</b>	<b>111.253.461.242</b>	<b>55.597.703.811</b>	<b>54.420.746.666</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(25.069.333.370)	59.402.639.917	33.650.082.693	683.223.854
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	1.365.038.599	1.364.829.208	209.391
Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0
Thuế xuất, nhập khẩu	824.688.171	57.657.982	897.739.306	(15.393.153)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.857.715.674	46.487.495.143	16.299.103.011	48.046.107.806
+ Thuế TNDN năm 2005		44.616.418.545		
+ Thuế TNDN năm 2004 tăng theo quyết toán thuế		3.588.898.611		
+ Thuế TNDN giảm theo QT tại các đơn vị thành viên		(647.602.306)		
+ Thuế TNDN giảm vì đã điều chỉnh theo định giá		(1.070.219.707)		
Thuế tài nguyên	0	0	0	0
Thuế nhà đất	0	69.226.000	69.226.000	0
Tiền thuê đất	31.632.000	0	31.632.000	0
Tiền thu sử dụng vốn	4.535.800.300	3.062.338.452	3.062.338.452	4.535.800.300
Các loại thuế khác	584.486.460	809.065.149	222.753.141	1.170.798.468
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>0</b>	<b>16.957.140</b>	<b>12.299.000</b>	<b>4.658.140</b>
Các khoản phí, lệ phí	0	0	0	0
Các khoản phải nộp khác	0	16.957.140	12.299.000	4.658.140
<b>Cộng</b>	<b>(1.235.010.765)</b>	<b>111.270.418.382</b>	<b>55.610.002.811</b>	<b>54.425.404.806</b>



**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**20. Phải trả công nhân viên**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	71.470.757	121.469.861
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex		237.228.102
- Khách sạn Sầm Sơn		1.050.000
- Khách sạn Holiday View	79.376.242	111.149.744
- BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội	(44.636.836)	(14.950.000)
- BQL các DA ĐTXD khu CNC Hòa Lạc	928.450	18.372.298
- BQL DAximăng Cẩm Phả		50.995.394
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	459.355.200	193.547.000
- BDH thủy điện Buôn tuasrah		
- Trung tâm ĐT&QL Dự án	511.143.000	402.800.000
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị		244.555.000
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	179.360.000	198.096.000
- Văn phòng Công ty	140.040.000	1.235.922.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.397.036.813</u></b>	<b><u>2.800.235.399</u></b>

**21. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà máy nước Dung Quất	381.308.213	476.946.672
- Khách sạn Holiday view	37.810.065	-
- Trường nghiệp vụ KTXD Xuân Hòa		38989192
- Ban điều hành DA Thủy điện Buôn tuasrah	2.393.296.609	-
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	130.701.283	917.042.244
- Cơ quan văn phòng	912.245.083	1.018.592.706
- Trung tâm đấu thầu và QLDA	25.154.607.613	-
+ Trích trước chi phí công trình Bãi Cháy	1.818.181.818	-
+ Trích trước chi phí công trình Thanh Trì	7.549.468.750	-
+ Trích trước chi phí công trình Bệnh viện Huế	6.439.864.535	-
+ Trích trước chi phí CT Nhà máy thép Phú Mỹ	4.275.244.492	-
+ Trích trước chi phí công trình CP12	4.181.818.181	-
+ Trích trước chi phí các công trình khác	890.029.837	-
- Ban quản lý ĐTXD phát triển nhà và đô thị	79.453.720.893	59.468.616.585
+ Trích trước chi phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhà chung cư	37.853.798.864	22.211.874.019
+ Trích trước giá vốn các công trình chung cư	36.877.210.973	37.234.611.419
+ Trích trước lệ phí trước bạ đất, quyền SD đất	4.681.448.000	-
+ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	41.263.056	22.131.147
<b>Cộng</b>	<b><u>108.463.689.759</u></b>	<b><u>61.920.187.399</u></b>



**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**22. Các khoản phải trả phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả, phải nộp khác</i></b>	<b><i>130.778.211.243</i></b>	<b><i>38.096.975.731</i></b>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	154.388.594	117.066.656
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	-	3.197.693.734
- Khách sạn Sầm Sơn	71.735.597	67.615.197
- Khách sạn Holiday View	101.423.930	-
- Trường nghiệp vụ KTXD Xuân Hòa	19.627.800	22.742.800
- Trường nghiệp vụ KTXD Bim Sơn	54.645.400	66.040.162
- BQL DA ĐTXD CSHT khu CN bắc Phú Cát	2.360.000	2.360.000
- BQL ĐTXD HTCN Nước Sông Đà - Hà Nội	1.723.941.946	92.215.047
- BQL DA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	14.566.116	6.185.195
- BQL các DA ĐTXD khu CNC Hòa Lạc	6.135.792	3.714.987
- BQL DAximăng Cẩm Phả	64.345.211	35.499.606
- BĐH Dự án thủy điện Buôn Kuốp	557.538.982	-
- BĐH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt	136.276.202	7.788.716
- BĐH dự án thủy điện Buôn tuasrah	1.297.713.458	411.336
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị (Sài Gòn)	3.903.127	-
- Trung tâm Bể bơi	400.878	400.878
- Trung tâm ĐT&QL Dự án	4.515.585	85.401.892
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị	8.471.717.985	6.334.795.597
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	6.979.927.273	6.304.517.991
- BQL DA ĐTXD khu nhà nghỉ cuối tuần	4.000.000.000	-
- Cơ quan Văn phòng	107.113.047.367	21.752.525.937
<b><i>Trong đó:</i></b>		
+ Doanh thu nhận trước (tiền cho thuê nhà H2)	88.635.337.560	-
+ Bảo hiểm xã hội	-	3.985.754
+ Kinh phí công đoàn	100.592.735	139.534.000
+ Lãi vay huy động vốn phải trả CBCNV	1.215.176.555	1.077.135.635
+ Tạm tính lãi vay cho các đơn vị thành viên	13.495.585.226	16.840.039.483
+ Tạm thu tiền phạt lao động xuất khẩu bỏ trốn	2.719.130.687	2.724.222.687
+ Phải trả khác	947.224.604	967.608.378
<b><i>Tài sản thừa chờ xử lý</i></b>	<b><i>2.217.453</i></b>	<b><i>-</i></b>
- Khách sạn Holiday View	2.217.453	-
<b><i>Nhận ký quỹ ký cược dài hạn</i></b>	<b><i>27.908.943.195</i></b>	<b><i>28.677.712.195</i></b>
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	27.908.943.195	28.677.712.195
<b><i>Quỹ quản lý cấp trên</i></b>	<b><i>-</i></b>	<b><i>8.611.243.752</i></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>158.689.371.891</u></b>	<b><u>75.385.931.678</u></b>

**23. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ hỗ trợ rủi ro của Trung tâm Xuất khẩu Lao động và thương mại	24.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>24.500.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**KHÔI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**24. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn</i>	<b>1.011.971.285.770</b>	<b>387.644.185.736</b>
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị		71.337.715.000
- BQL DA Xi măng Cẩm Phả	655.290.657.742	
- BQL ĐT XD HTCN Nước Sông Đà	57.009.496.575	
- Cơ quan văn phòng	299.671.131.453	316.306.470.736
<i>Nợ dài hạn</i>	<b>59.297.551.001</b>	<b>58.578.428.363</b>
- Nhà máy nước Dung Quất		318.000.000
- Trung tâm XK lao động và thương mại	59.297.551.001	58.260.428.363
+ <i>Nợ lương người đi XK lao động</i>	35.379.258.584	39.064.059.920
+ <i>Phí dịch vụ nộp trước của người đi XK lao động</i>	23.596.243.346	18.334.639.262
+ <i>BHXXH nộp trước của người đi XK lao động</i>	322.049.071	861.729.181
<b>Cộng</b>	<b>1.071.268.836.771</b>	<b>446.222.614.099</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Vay dài hạn</i>	<b>387.644.185.736</b>	<b>1.067.379.631.547</b>	<b>443.052.531.513</b>	<b>1.011.971.285.770</b>
BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị	71.337.715.000	-	71.337.715.000	-
BQL DA Xi măng Cẩm Phả	-	975.497.931.153	320.207.273.411	655.290.657.742
BQL ĐT XD HTCN Nước Sông Đà	-	57.009.496.575	-	57.009.496.575
Cơ quan văn phòng	316.306.470.736	34.872.203.819	51.507.543.102	299.671.131.453
<i>Nợ dài hạn</i>	<b>58.578.428.363</b>	<b>34.471.006.299</b>	<b>33.751.883.661</b>	<b>59.297.551.001</b>
Nhà máy nước Dung Quất	318.000.000	-	318.000.000	-
Trung tâm XK LĐ và thương mại	58.260.428.363	34.471.006.299	33.433.883.661	59.297.551.001
<b>Cộng</b>	<b>446.222.614.099</b>	<b>1.101.850.637.846</b>	<b>476.804.415.174</b>	<b>1.071.268.836.771</b>

**25. Nguồn vốn - quỹ**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>985.621.288.996</b>	<b>338.690.992.073</b>	<b>251.790.571.912</b>	<b>1.072.521.709.157</b>
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<b>985.621.288.996</b>	<b>105.310.966.615</b>	<b>18.410.546.454</b>	<b>1.072.521.709.157</b>
+ <i>Tăng Vốn Nhà nước từ lợi nhuận năm 2004 tăng thêm do quyết toán thuế</i>		1.048.486.587		
+ <i>Bổ sung vốn từ lợi nhuận năm 2005</i>		68.237.294.602		
+ <i>Kết chuyển từ quỹ đầu tư phát triển</i>		18.694.652.493		
+ <i>Kết chuyển từ quỹ dự phòng tài chính</i>		14.505.866.990		

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

+ Kết chuyển từ quỹ hỗ trợ, sắp xếp		2.617.500.000		
+ Tăng Vốn Nhà nước tại trường KTXD Xuân Hòa do bổ sung từ nguồn khấu hao TSCĐ		207.165.943		
+ Giảm vốn Nhà nước tại trường KTXD Xuân Hòa do đầu tư TSCĐ			210.000.000	
+ Giảm vốn Nhà nước tại trường KTXD Bim Sơn do khấu hao TSCĐ			19.164.076	
+ Giảm vốn Nhà nước tại Nhà máy đã ốp lát Vinaconex			18.181.382.378	
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Quỹ đầu tư phát triển	0	18.694.652.493	18.694.652.493	0
+ Trích từ lợi nhuận năm 2005		18.694.652.493		
+ Kết chuyển tăng vốn chủ sở hữu			18.694.652.493	
Quỹ dự phòng tài chính	0	14.505.866.990	14.505.866.990	0
+ Trích từ lợi nhuận năm 2005		14.505.866.990		
+ Kết chuyển tăng vốn chủ sở hữu			14.505.866.990	
Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu (Quỹ hỗ trợ sắp xếp cổ phần hóa)	0	2.617.500.000	2.617.500.000	0
+ Vốn Nhà nước còn lại bàn giao từ các Công ty CP		2.617.500.000		
+ Kết chuyển tăng vốn chủ sở hữu			2.617.500.000	
Lợi nhuận chưa phân phối	0	197.562.005.975	197.562.005.975	0
<b>NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC</b>	<b>21.269.186.975</b>	<b>48.432.084.535</b>	<b>12.566.733.347</b>	<b>57.134.538.163</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	19.237.078.579	44.833.284.606	9.772.588.432	54.297.774.753
- Trường nghiệp vụ KTXD Xuân Hòa	67.029.122	38.989.192	75.916.000	30.102.314
- Trường KTXD Bim Sơn	49.397.278	0	27.970.000	21.427.278
- Trung tâm Đầu thầu và QLDA	147.424.000	100.000.000	650.335.000	(402.911.000)
- BQL, ĐTXD phát triển nhà và đô thị	0	400.000.000	273.468.000	126.532.000
- Trung tâm XKLD và Thương mại	0	400.000.000	361.303.000	38.697.000
- Cơ quan Văn Phòng	18.973.228.179	43.894.295.414	8.383.596.432	54.483.927.161
+ Trích từ lợi nhuận năm 2005		43.620.855.816		
+ Tăng khác		273.439.598		
Nguồn kinh phí	2.032.108.396	3.598.799.929	2.794.144.915	2.836.763.410
- Trường nghiệp vụ KTXD Xuân Hòa	(171.350.000)	787.880.000	787.880.000	(171.350.000)
- Trường KTXD Bim Sơn	2.203.458.396	2.810.919.929	2.006.264.915	3.008.113.410
<b>Cộng</b>	<b>1.006.890.475.971</b>	<b>387.123.076.608</b>	<b>264.357.305.259</b>	<b>1.129.656.247.320</b>



**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**Chi tiết lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trong năm 2005****Lợi nhuận chưa phân phối tại 1/1/2005**

-

**Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2004****7.863.223.650**

- Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi trích dự

300.000.000

- Tăng lợi nhuận theo biên bản quyết toán thuế

11.683.712.146

+ Lợi nhuận trước thuế

12.817.495.039

+ Lỗ tăng thêm theo quyết toán thuế tại các đơn vị thành viên

(1.781.385.199)

+ Thuế TNDN giảm theo quyết toán tại các đơn vị thành viên

647.602.306

- Điều chỉnh giảm lợi nhuận do đã tăng khi định giá tại ngày 31/12/2004, vừa tăng trong biên bản quyết toán thuế.

(4.120.488.496)

**Phân phối bổ sung lợi nhuận năm 2004****7.863.223.650**

+ Thuế TNDN tăng theo quyết toán thuế

3.588.898.611

+ Tăng thuế vốn từ những năm trước của liên doanh Vinata

3.062.338.452

+ Các khoản chi vào lợi nhuận sau thuế

163.500.000

+ Lợi nhuận năm 2004 còn lại bổ sung vốn Nhà nước

1.048.486.587

**Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2005****189.698.782.325****Phân phối lợi nhuận năm 2005****189.698.782.325**

+ Thuế TNDN năm 2005

44.616.418.545

+ Các khoản chi vào lợi nhuận sau thuế

23.693.879

+ Trích quỹ dự phòng tài chính (10% lợi nhuận sau thuế)

14.505.866.990

&gt; Lợi nhuận năm 2005 còn lại

**130.552.802.911**

Vốn Nhà nước bình quân năm

978.340.745.095

Vốn tự huy động bình quân năm

893.438.129.197

+ Bổ sung Vốn Nhà nước tương ứng với tỷ lệ Vốn Nhà nước tại Công ty

68.237.294.602

+ Lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động

62.315.508.309

&gt; Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển Tổng Công ty

18.694.652.493

&gt; Trích quỹ thưởng Ban điều hành Tổng Công ty

500.000.000

&gt; Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

43.120.855.816

**Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2005**

-

**Ghi chú:** Lợi nhuận năm 2005 được tạm phân phối theo quy định tại Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, chưa có quyết định của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành Tổng Công ty.

**KHOI VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 34 phố Láng Hạ - quận Đống Đa - thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	3.463.943.715	2.110.593.764
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	60.225.495.438	37.027.130.625
- Khách sạn Sầm Sơn	37.652.821	46.991.984
- Khách sạn Holiday View	3.744.462.330	345.297.250
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt (*)	176.781.797.926	21.165.445.775
- Trung tâm Bể bơi	-	4.903.205.577
- Trung tâm ĐT&QL Dự án	436.197.248.146	201.957.184.153
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị	583.472.581.252	300.348.963.413
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	22.409.045.876	17.496.571.152
- Cơ quan văn phòng	54.828.853.064	111.410.200.332
- BDH dự án thủy điện Buôntuasrah	111.563.881.479	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.452.724.962.047</u></b>	<b><u>696.811.584.025</u></b>

(\*): Trong đó, doanh thu khối lượng thực hiện của các đơn vị thi công là 170.906.714.269 đồng.

**27. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Nhà máy nước BOT Dung Quất	3.964.635.402	3.545.405.066
- Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex	49.124.201.677	27.983.299.792
- Khách sạn Sầm Sơn	95.735.599	46.855.327
- Khách sạn Holiday View	6.525.931.465	220.466.626
- BDH xây dựng hồ chứa nước Cửa Đạt (*)	171.170.709.403	20.669.237.215
- Trung tâm Bể bơi	(8.435.631)	3.932.497.716
- Trung tâm ĐT&QL Dự án	413.224.024.180	187.778.673.978
- BQL ĐTXD phát triển nhà và đô thị	448.384.809.512	233.150.614.905
- Trung tâm xuất khẩu lao động và thương mại	10.397.658.194	8.363.496.404
- Cơ quan văn phòng	45.596.017.072	106.669.036.842
- BDH dự án thủy điện Buôntuasrah	110.017.820.096	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.258.493.106.969</u></b>	<b><u>592.359.583.871</u></b>

(\*): Trong đó, giá vốn khối lượng thực hiện của các đơn vị thi công là 170.906.714.269 đồng.